

Lục Tổ Huệ Năng

Thứ Bảy, 21 tháng 9, 2024

Lục Tổ Huệ Năng

LỤC TỔ HUỆ NĂNG BLOGSPOT

► KINH KIM CANG LƯỢC GIẢNG

► KINH BÁT NHÃ - BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Lược Giảng

KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Hòa Thượng Tuyên Hóa

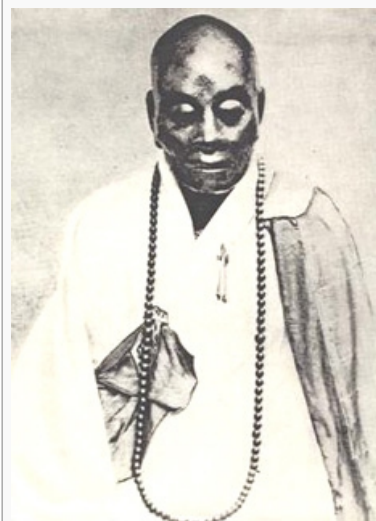
Giảng tại Vạn Phật Thánh Thành U.S.A

- Phần Lược Tự
- Phẩm Hành Do (phẩm 1)
- Phẩm Bát Nhã (phẩm 2)
- Phẩm Nghi Vấn (Phẩm 3)
- Phẩm Định Huệ (Phẩm 4)
- Phẩm Tọa Thiền (Phẩm 5)
- Phẩm Sát Hối (Phẩm 6)
- Phẩm Cơ Duyên (Phẩm 7)
- Phẩm Đốn Tiệm (Phẩm 8)
- Phẩm Tuyên Chiếu (Phẩm 9)
- Phẩm Phó Chúc (Phẩm 10)

Thiền sư Huệ Năng Lục Tổ

Lục Tổ Huệ Năng

慧能



Tên khai sinh Lư Huệ Năng

Tôn xưng Thiền tông Lục tổ

Hoạt động tôn giáo

Tôn giáo Phật giáo

Tông phái Thiền tông

Sư phụ Hoàng Nhấn

Đệ tử Nam Nhạc Hoài Nhượng

Thanh Nguyên Hành Tư

Hà Trạch Thần Hội

Vĩnh Gia Huyền Giác

KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Tên của bộ Kinh này là *Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn*, tên riêng là "*Lục Tổ Pháp Bảo Đàn*." "Kinh" là tên chung của các bộ Kinh. Kinh Phật lập đề thường dùng bảy loại để phân biệt: tức Đơn Nhân, Đơn Pháp, Đơn Dụ, Nhân Pháp, Nhân Dụ, Pháp Dụ, Nhân Pháp Dụ. Như *Kinh Phật Thuyết A Di Đà* là Đơn Nhân lập đề, vì Đức Phật và *Phật A Di Đà* đều là người, là người tu hành thành Phật. Người chính là Phật, Phật chính là người, vì thế người Trung Hoa viết chữ Phật có bộ nhân bên cạnh. Đơn Pháp lập đề như *Kinh Bát Nhã*, *Kinh Niết Bàn*. Niết Bàn là pháp, Niết Bàn nghĩa là bất sanh bất diệt. Đơn Dụ lập đề như *Kinh Phật Thuyết Phạm Võng*, nếu nghiêm trì giới luật thì có thể sanh ra quang minh, như châu báu của cõi Đại Phạm Thiên. Nếu phạm giới phá giới, biết pháp phạm pháp thì có chỗ hữu lậu, hữu lậu tất đi đến tam ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nơi đó tuyệt không có một chút nhân tình. Pháp Dụ lập đề như *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là dụ. Nhân Dụ lập đề giống như *Kinh Như Lai Sư Tử Hống*, Như Lai là người, Sư Tử là dụ, Phật thuyết pháp như sư tử hống. Nhân Pháp lập đề như *Kinh Văn Thù Vấn Bát Nhã*. Đầy đủ Nhân Pháp Dụ lập đề như *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là người, Hoa Nghiêm là dụ.


Nhưng quyển *Kinh Lục Tổ Pháp Bảo Đàn* là Kinh Trung Quốc, không phải Kinh Ấn Độ, cho nên ngoài bảy loại lập đề ra, còn có thêm một loại là Xứ lập đề. Lục Tổ là người, Pháp Bảo là pháp, Đàn là xứ sở, vì thế quyển Kinh này là Nhân Pháp Xứ lập đề, không thể giảng theo bảy loại lập đề kể trên.

Ngôi vị Lục Tổ không phải để thừa kế, đảm trách. Vì sao vậy? Vì có rất nhiều người muốn giết Ngài. Ngay cả đệ tử của Ngài là Chí Triệt cũng tìm cách giết hại Ngài. Vì thế Đại sư sau khi đắc pháp đã tỵ nạn mười sáu năm trong nhóm thợ săn. Thậm chí sau khi kiến lập Pháp đàn tại Nam Hoa Tự, vẫn còn có ngoại đạo công khai muốn giết Ngài. Cho nên Đại sư chạy lên núi ẩn trong núi đá tọa thiền, hòn đá mà Đại sư tỵ nạn, đến nay vẫn còn thấy ở Nam Hoa Tự.

Lục Tổ Đại sư từ đâu mà có danh hàm Lục Tổ? Điều này bắt đầu từ Ngài Bồ Đề Đạt Ma. Bồ Đề có nghĩa là Giác, Đạt Ma có nghĩa là Pháp. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là Tổ thứ hai mươi tám tại Ấn Độ, nhưng tại sao Ngài không ở Ấn Độ làm Tổ mà đi đến Trung Hoa làm gì? Vì xưa kia Phật đã thọ ký: Đến đời Tổ thứ hai mươi tám, Đại thừa Phật pháp sẽ truyền đến Trung Quốc. Do nhân duyên như thế, Ngài Bồ Đề Đạt Ma ngồi thuyền đến Trung Hoa truyền đạo. Nhưng lúc đó Phật Pháp tại Trung Quốc, dường như có dường như không, bởi vì chỉ làm công tác bên ngoài như tụng kinh, nghiên cứu kinh điển, giảng kinh v.v., ngay cả việc bái sám cũng không có. Đương thời các học giả đều cho Phật giáo như là một loại học vấn để nghiên cứu thảo luận.

Các đạo lý mà Phật giáo nói đều phải y theo mà tu hành. Nhưng thời đại Nam Bắc triều của Trung Hoa lúc đó không có người nào chân chánh tu hành tọa thiền, vì sợ khổ cực. Hiện nay ở Mỹ đây cũng giống như vậy. Ngồi một chút chân đau bèn duỗi chân, nghiêng nghiêng lắc lắc, xoa bóp một hồi. Người dù sao cũng là người! Cũng đều sợ khổ, sợ cực !

Trước khi Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, Ngài có phái hai người đệ tử là Phật Đà và Da Xá đến Trung Hoa truyền pháp môn đốn ngộ, tức là Thiền tông. Ai ngờ hai Ngài đến Trung Hoa lại gặp phải cảnh trái ý nghịch lòng, tất cả các Tăng sĩ thời đó đều không xem trọng hai Ngài. Sau đó hai Ngài đến Lư Sơn gặp Đại sư Huệ Viễn; Ngài Huệ Viễn chuyên giảng về pháp môn niệm Phật. Đại

| | |
|---|--|
| | Quốc sư Huệ Trung |
| Trước tác | Pháp Bảo Đàn Kinh |
| Tổ Thiên tông | |
| Tiền nhiệm | Hoàng Nhẫn |
| Kế nhiệm | ngưng truyền thừa |
| Thông tin cá nhân | |
| Sinh | |
| Tên khai sinh | Lư Huệ Năng |
| Ngày sinh | Năm 638 (Trinh Quán 12) |
| Nơi sinh | Tân Châu, Lĩnh Nam, Đại Đường |
| Mất | |
| Thụy hiệu | Đại Giám Chân Không Phổ Giác Viên Minh Quảng Chiếu thiên sư 大鑒真空普覺圓明廣照禪師 |
| Ngày mất | Năm 713 (Tiên Thiên 2) |
| Nơi mất | Chùa Quốc Ân, Tân Châu, Lĩnh Nam, Đại Đường |
| Giới tính | nam |
| Thân quyến | |
| Cha | Lư Hành Thao |
| Mẹ | họ Lý |
| Nghề nghiệp | nhà triết học, nhà thơ, nhà văn |
| Gia tộc | họ Lư Phạm Dương |
| Quốc tịch | nhà Đường |
|  Cổng thông tin Phật giáo luctohuenang.blogspot.com X • T • S | |

sư Huệ Viễn hỏi:

– Hai vị là các Tăng sĩ Ấn Độ, hai vị truyền pháp môn gì mà sao không có ai theo học?

Ngài Phật Đà và Da Xá chỉ biết nói rất ít tiếng Trung Quốc, bèn đưa tay ra nói:

– Hãy nhìn xem! Bàn tay tôi nắm vào và giở ra có nhanh không?

– Rất nhanh.

– Bỏ đề và phiền não cũng nhanh giống như vậy.

Đại sư Huệ Viễn lập tức khai ngộ, biết ra Bồ đề và phiền não vốn không có gì sai khác. Bồ đề tức phiền não, phiền não tức là Bồ đề! Ngài Huệ Viễn sau khi khai ngộ, rất cung kính cung dưỡng Ngài Phật Đà và Da Xá. Nhưng không lâu hai bậc cao Tăng Ấn Độ này đều vắng sanh trong cùng một ngày. Phần mộ của hai Ngài đến nay vẫn còn ở Lư Sơn.

Tổ sư Đạt Ma nhìn thấy căn tánh Đại thừa ở Trung Hoa đã chín muồi, bèn không ngại gian khổ, đường sá xa xôi, đem Phật pháp Đại thừa đến Trung Quốc. Nhưng lúc đó vì ngôn ngữ không thông, người Trung Hoa gọi Ngài là "Ma-la-sát." Trẻ con nhìn thấy gương mặt Ngài với bộ râu dài đều hoảng sợ chạy mất. Người ta cho rằng Ngài đến để bắt trẻ con vì thế không cho trẻ con đến gần Ngài.

Sau đó Tổ sư Đạt Ma đến Nam Kinh nghe Pháp sư Thần Quang giảng Kinh, nhìn thấy cảnh giới thù thắng: "Chư thiên rải hoa cúng dường, dưới đất sen vàng hiện ra." Cảnh giới này chỉ có người đã đắc Ngũ nhãn Lục thông mới thấy được. Sau khi giảng Kinh xong, là đến phần thỉnh pháp, hỏi pháp, Tổ sư Đạt Ma hỏi:

– Pháp sư! Ông ở đây làm gì?

Thần Quang trả lời:

– Tôi ở đây giảng Kinh.

– Ông giảng Kinh làm gì?

–Tôi giảng Kinh, đưa người liễu ngộ sinh tử.

–Làm sao có thể liễu ngộ được sanh tử? Kinh mà ông giảng đều là giấy trắng mực đen, ông dùng cái gì mà có thể giúp người liễu đoạn sanh tử ?

Thần Quang bị hỏi không có cách nào trả lời, vì thế xấu hổ mà tức giận. Tuy Pháp sư Thần Quang giảng kinh được chư thiên rải hoa cúng dường nhưng vẫn còn tính nóng giận như vậy. Vì thế tôi nói Phật Pháp đương thời dường như có dường như không. Pháp sư Thần Quang tức giận liền cầm lấy râu chuối niệm Phật làm bằng sắt nói:

– Ông dám hủy báng pháp à!

Nói xong liền dùng râu chuối đánh vào mặt Đạt Ma. Tổ sư Đạt Ma tuy biết võ thuật, nhưng không ngờ Thần Quang lợi hại như thế, nói không lại liền động võ, kết quả bị đánh gãy hai cái răng. Nghe nói, răng của bậc Thánh nếu bị đánh gãy, nhổ xuống chỗ nào thì chỗ đó bị hạn hán ba năm. Đạt Ma nghĩ thầm: "Ba năm không mưa, chết đói biết bao nhiêu người. Ta đến Trung Hoa là muốn độ chúng sanh, không phải là để hại chúng sanh," vì thế Ngài nuốt hai cái răng vào bụng, không nói một lời liền bỏ đi.

Vì Ngài là người xuất gia, lại là bậc Tổ Sư, cho nên đã nhẫn nhục được những việc như vậy. Trên đường đi, Ngài gặp con chim Anh Vũ bị nhốt trong lồng. Chim Anh Vũ còn thông minh hơn Thần Quang vì biết Bồ Đề Đạt Ma là một vị Tổ Sư, nên thưa với Ngài rằng:

– Tây lại ý, Tây lại ý, thỉnh Ngài dạy cho chúng con cách thoát ra khỏi lồng.

Đạt Ma đến Trung Hoa chưa gặp được tri âm, nay Anh Vũ này lại là tri âm của Ngài. Nghe chim thỉnh giáo mình như vậy, Đạt Ma rất vui vẻ dạy cho nó một bí quyết: "Muốn thoát khỏi lồng, hai

chân đuổi thẳng, đôi mắt nhắm nghiền, đây là diệu kế, giúp con thoát lồng."

Anh Vũ sau khi hiểu được phương pháp thoát lồng, bèn thưa: "Nay con đã hiểu rồi, cảm ơn Ngài chỉ dạy." Anh Vũ nhìn thấy người chủ tử xa trở về, đợi người chủ đến gần, nó liền sử dụng phương pháp đó. Mỗi ngày người chủ trở về đều đến chơi với con chim yêu quý để tiêu sầu giải muộn, nay nhìn thấy Anh Vũ yêu quý nằm bất động trong lồng liền rất lo lắng, bèn mở cửa lồng đem Anh Vũ để nơi lòng bàn tay: "Ồ! thân chim vẫn còn nóng." Vì chim giả chết nên khí nóng vẫn còn. Người chủ vừa mở nắm tay ra Anh Vũ liền bay đi! Kế thoát lồng thật hiệu nghiệm.

Chúng ta hiện nay vẫn còn ở trong lồng, đừng nên cho rằng mình đang tự do. Muốn ăn thì ăn, muốn uống thì uống, không giữ gìn quy củ cho là tự do. Điều này thật là mê muội vì đã hiểu một cách sai lầm về tự do. Tự do chân chánh là sanh tử tự do, muốn bay lên trời thì lên trời, muốn độn thổ xuống đất thì độn thổ; có được những bản lãnh như thế mới gọi là tự do chân chánh.

Giảng về "Lục Tổ Đàn Kinh," tôi vốn giảng không hay, nhưng mà dám giảng. Còn có người giảng rất hay nhưng lại không dám giảng. Tôi giảng không hay nhưng cứ thử giảng, sau này những người giảng hay nên nương theo đó mà giảng tiếp. Sau này quý vị rộng mở trí tuệ thì có thể giảng hay hơn tôi nữa. Giảng hay là học từ cái giảng không hay mà ra.

Pháp sư Thần Quang đánh gãy hai cái răng của Hòa Thượng mặt đen, nhưng thấy Hòa Thượng Ấn Độ không có phản ứng gì, bèn cho rằng mình thắng. Nhưng không lâu sau đó quý vô thường đến gặp Pháp sư nói:

- Pháp sư, hôm nay mạng sống của ngài đã hết. Vua Diêm La sai tôi đến mời ngài đi.
- Tôi mà cũng phải chết à? Tôi giảng Kinh được trời rải hoa cúng dường, đất hiện ra hoa sen vàng mà còn không thể dứt vòng sanh tử thì thế gian này còn có ai có thể dứt vòng sanh tử?
- Có chứ! Chính là Ngài Hòa Thượng mặt đen mà bị ông đánh gãy hai cái răng đó. Diêm Vương không những không cai quản được số mạng của Ngài mà mỗi ngày còn phải hướng về Ngài khấu đầu đánh lễ.
- Quý đại ca! Bạn có thể chờ tôi một chút được không? Xin nói với Diêm Vương dùm tôi một tiếng, xin cho tôi một thời gian ngắn để tôi đi học pháp môn liễu đoạn sanh tử của Ngài Hòa Thượng mặt đen.
- Nếu ông thật có lòng thành như vậy thì việc này không phải không có thể linh hoạt giải quyết.

Thần Quang nghe nói rất vui mừng, không kịp mang dép, chân đất đuổi theo Tổ sư Đạt Ma. Trên đường gặp chim Anh Vũ đã được Ngài Đạt Ma giúp cho thoát khỏi lồng. Anh Vũ nói cho Thần Quang biết Ngài Đạt Ma đã giúp nó như thế nào. Thần Quang đi theo sau lưng Tổ Sư, nhưng Tổ không để ý đến. Thần Quang đi theo cho đến núi Hùng Nhĩ ở Lạc Dương (Chùa Thiếu Lâm, Tung Sơn, Hà Nam). Tổ sư Đạt Ma ở đó diện bích tọa thiền, Ngài ngồi suốt chín năm, Thần Quang cũng quỳ đủ chín năm. Lúc trước, khi tôi giảng đến công án này, có một em bé mười một tuổi nghe rồi rất cao hứng, liền hỏi: "Thần Quang quỳ suốt chín năm, vậy có ăn cơm không?" Tôi trả lời: "Chín năm không ăn cơm thì làm sao có thể sống được? Chính là lúc Tổ sư Đạt Ma ăn cơm thì Thần Quang cũng ăn cơm, Đạt Ma ngồi thiền thì Thần Quang quỳ gối, nhưng mà trong sách thì không có ghi việc này."

Trong thời gian chín năm diện bích của Đạt Ma có rất nhiều người đến quy y lạy Ngài làm Thầy.

Thần Quang cũng quỳ suốt chín năm. Một ngày kia tuyết lớn, tuyết phủ đến hông. Đạt Ma nói:

- Tuyết lớn như vậy ông quỳ đó làm gì?
- Bạch Tổ Sư, con muốn liễu đoạn sanh tử. Lúc trước con giảng Kinh không thể liễu đoạn sanh tử, nay kính xin Tổ Sư truyền dạy cho con pháp môn liễu đoạn sanh tử.
- Người nhìn, trời hiện rơi cái gì?
- Bạch Tổ Sư, trời đang rơi tuyết.

– Tuyết có màu gì?

– Bạch Tố Sư, tuyết màu trắng.

– Người đợi đến lúc nào mà trời rơi tuyết màu đỏ thì lúc đó ta sẽ truyền dạy pháp môn liễu đoạn sanh tử cho người. Nếu trời không rơi tuyết đỏ thì người đừng nên hy vọng ta truyền dạy cho. Người là một kẻ xuất gia hung ác như vậy, dùng râu chuối niệm Phật bằng sắt đánh gãy hai cái răng của ta, ta không báo thù cũng là từ bi lắm rồi, làm sao lại có thể truyền pháp cho người được?

Đạt Ma đưa ra vấn đề khó khăn như vậy để khảo nghiệm Thần Quang, nhưng Thần Quang đã giải quyết được. Thần Quang nhìn thấy trên tường có một thanh giới đao của người tu đạo, dùng dũa lúc phạm giới thì đem đao chặt đứt đầu mình chứ không để phạm đến giới thể. Thần Quang liền lấy thanh đao đó xuống chặt đứt cánh tay mình, máu rơi đầy mặt đất đã làm tuyết trắng biến thành tuyết đỏ. Thần Quang liền bưng lấy một nắm tuyết đỏ đem dâng đến trước mặt Ngài Đạt Ma và nói:

– Bạch Tố Sư, Ngài xem, đây chính thật là tuyết đỏ.

Điều này vốn đã ở trong dự liệu, chỉ vì muốn thử thách chân tâm của Thần Quang, mà Đạt Ma mới đưa ra vấn đề thử thách này. Vì thế Ngài rất hoan hỷ nói:

– Ta đến Trung Hoa thật không có uống công, gặp phải người là người chân thành cầu pháp tu hành như vậy, ngay cánh tay của chính mình cũng bỏ đi để cầu pháp, quả là có tâm thành.

Sau đó Ngài Đạt Ma mới đem pháp môn dĩ tâm ấn tâm, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật truyền cho Thần Quang. Sau khi Ngài Đạt Ma giảng xong pháp môn, Thần Quang liền sanh tâm phân biệt nói:

– Con chặt đứt cánh tay, rất đau nhức, tâm cũng rất nhức nhối, xin Tố Sư an tâm cho con.

– Đem tâm của ông ra đây, ta mới có thể giúp ông an tâm!

Thần Quang bèn đi tìm tâm của mình, Đông Tây Nam Bắc, trên trời dưới đất, tìm hoài mà không thấy tâm của mình. Thần Quang nói:

– Con tìm không ra.

– Ta đã an tâm cho ông rồi.

Thần Quang lập tức hoát nhiên đại ngộ. Vì thế Thần Quang nói:

Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ ?

Thần Quang bắt minh căn Đạt Ma.

Hùng Nhĩ sơn tiền quy cửu tái,

Chỉ cầu nhất điểm đóa Diêm La.

Vạn pháp quy nhất, vậy nhất quy về đâu? Thần Quang không rõ nghĩa lý của chữ "hợp," vì thế đuổi theo Đạt Ma, tại núi Hùng Nhĩ quỳ suốt chín năm, chỉ cầu Tố Sư chỉ điểm cách liễu đoạn sanh tử, thoát khỏi Diêm Vương.

Thần Quang sau khi được Tố sư Đạt Ma truyền pháp, liền đổi tên là Huệ Khả, tức là trí tuệ đầy đủ, thiện căn viên mãn. Đại sư Huệ Khả hỏi Tố sư Đạt Ma:

– Bạch Tố Sư, ở Ấn Độ Ngài có đồ đệ đặc pháp chưa? Ở Ấn Độ, khi truyền pháp có đem ca sa, y, bát truyền cho đồ đệ để làm bằng chứng không?

– Không có, ở Ấn Độ ta truyền pháp không có đem ca sa y bát làm vật y cứ, vì tâm người Ấn Độ rất thẳng thắn, tu hành đặc đạo liền nói đặc đạo, chỉ cần có người chứng minh đặc đạo là đủ.

Nếu chưa được ấn chứng, họ sẽ không nói là: tôi đã đắc đạo chứng quả, tôi đã chứng A La Hán, hoặc tôi đã là Bồ Tát. Người Trung Hoa không giống như vậy. Ở Trung Quốc, người có căn tánh Đại thừa cũng rất nhiều, nhưng người nói vọng ngữ cũng không ít, tu hành chưa thành tựu đạo nghiệp mà khoe khoang đã thành; chưa chứng quả cũng tự nói đã chứng quả, vì thế cần phải dùng ca sa y bát để chứng minh. Cho nên nay ta truyền ca sa y bát cho ông, ông nên cẩn thận giữ gìn.

Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, từng bị đầu độc sáu lần, vì đương thời Bắc Ngụy có hai vị Pháp sư muốn hại Ngài, một vị là Bồ Đề Lưu Chi, một vị là Luật sư Quang Thống. Họ rất đố kỵ Ngài, đã làm ra vài món đồ chay, trong đó có chất độc cực mạnh đem đến cúng dường Ngài. Ngài biết trong thức ăn có độc nhưng vẫn ăn một cách bình thường. Ăn xong kêu người đem một cái mâm lại, Ngài rửa vài mâm một đồng rần. Thì ra chất độc đã biến thành rần. Bồ Đề Lưu Chi thấy độc không thể giết được Ngài, không hiểu vì duyên cớ gì. Vì thế lần thứ hai bỏ liều lượng thuốc độc gấp đôi. Đạt Ma cũng ung dung thọ dụng, ăn xong liền ngồi tại một tảng đá lớn, phun thuốc độc ra, sức mạnh của thuốc độc đã làm bể tan tảng đá. Sau đó liên tiếp thêm bốn lần hạ độc nữa nhưng đều không thể hại được Ngài.

Một ngày nọ, Tổ sư Đạt Ma nói với Đại sư Huệ Khả rằng:

– Ta đến Trung Quốc, để độ chúng sanh có căn tánh Đại thừa. Nay pháp đã truyền, ta đã có người kế thừa, giờ viên tịch cũng đã đến.

Sau khi Tổ sư Đạt Ma viên tịch, chúng đệ tử dùng quan tài bọc xác Ngài đem chôn. Nhưng lúc ấy, Bắc Ngụy có một sứ quan tên là Tống Vân, tại vùng Thông Lãnh, trên đường đi gặp Tổ sư Đạt Ma. Tổ Sư, tay cầm dép, nói với Tống Vân rằng:

– Quốc Vương nước ông hôm nay băng hà, ông nên mau mau trở về.

Tống Vân hỏi:

– Đại sư, Ngài đi đâu?

– Ta trở về Ấn Độ.

– Đại sư, Ngài đã truyền pháp cho ai?

– Bốn mươi năm sau tại Trung Hoa.

Sau đó Tống Vân trở về đến Bắc Ngụy đem việc này kể cho mọi người nghe, nhưng không ai tin. Vì thế mọi người mới quật mồ của Tổ sư Đạt Ma ra xem, trong quan tài chỉ còn chiếc dép, ngoài ra không có cái gì khác. Như vậy Tổ sư Đạt Ma đi đâu? Mọi người cũng không ai biết, sợ rằng hôm nay đã đến Mỹ quốc không biết chừng, vì Ngài có thể thiên biến vạn hóa, cho nên không ai có thể nhận ra được Ngài. Khi đến Trung Quốc, Ngài nói Ngài đã một trăm năm mươi tuổi, nhưng lúc Ngài ra đi vẫn là một trăm năm mươi tuổi, lịch sử cũng không có cách nào kiểm chứng.

Lúc Tổ sư Đạt Ma sắp viên tịch, Ngài nói:

– Ta đến Trung Hoa truyền pháp cho ba người, Đại sư Huệ Khả được phần tủy, Thiền sư Đạo Dục được phần xương, Tỳ kheo ni Đạo Tế (tức Tỳ kheo ni Tống Tri) được phần thịt.

Tỳ kheo ni Đạo Tế thuộc lòng *Kinh Pháp Hoa*, sau khi viên tịch từ trong miệng nở ra đóa hoa sen màu xanh. Vì Tổ sư Đạt Ma đã đem thân thể của Ngài mà phân chia cho các người khác, cho nên ở Mỹ quốc quý vị không thể tìm ra được Ngài.

Nhị Tổ Huệ Khả, họ Cơ, tên Thần Quang, người thời Bắc Tề. Lúc Ngài giảng sanh, cha mẹ Ngài nhìn thấy Kim Giáp Thần Nhân, hộ pháp Vi Đà Bồ Tát, phóng đại hào quang bảo hộ vị Tổ Sư mới ra đời này, cho nên tên của Ngài gọi là Thần Quang. Ngài thiên tánh thông minh, trí nhớ rất dai, cho nên được người khen ngợi: *Mục hạ thập hàng tự, nhĩ thánh bách nhân âm*. Không phải vừa nhìn là có thể xem được mười hàng chữ, mà là người thường xem một hàng chữ, thì Ngài có thể xem mười hàng chữ, rất nhanh như vậy; một trăm người cùng nói chuyện cùng một lúc, Ngài đều nghe rất rõ ràng, năng lực phân biệt rất nhạy.

Nhưng vị Tổ Sư này rất nóng tính, nói chuyện không hợp liền muốn đánh người. Bốn mươi năm về trước, ngay lúc giảng kinh thuyết pháp cũng mang râu chuổi bằng sắt để đi hành hiệp giúp người. Vì thế lúc gặp Tổ sư Đạt Ma đã dùng râu chuổi đánh Ngài Đạt Ma, kết quả phải quỳ chín năm, phải tự chặt đứt một cánh tay của mình. Quý vị nghĩ xem nếu không nóng tính như vậy làm sao có thể tự mình chặt đứt cánh tay, mà không cảm thấy đau nhức, đợi đến lúc đặc pháp xong mới cảm thấy nhức nhối. Điều này bởi vì Ngài rất nóng tính, nếu không nóng tính, chặt đứt cánh tay cũng không cảm thấy đau nhức. Đau nhức chính là phiền não.

Tổ sư Huệ Khả lúc bốn mươi tuổi gặp Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma, sau khi đặc pháp bèn ẩn trốn bốn mươi năm, vì đương thời Bồ Đề Lưu Chi và Luật sư Quang Thống, chuyên gây khó dễ với các đệ tử của Tổ sư Đạt Ma, thậm chí gặp là muốn giết. Bồ Đề Đạt Ma đã bị hai vị ấy dùng thuốc đầu độc, huống chi là đệ tử của Ngài! Đại sư Huệ Khả nghe theo lời Thầy dạy nên đã ẩn núp, trốn tránh những người gây khó dễ này. Cho đến lúc Đại sư Huệ Khả tám mươi tuổi, Ngài mới bắt đầu hoằng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sanh. Cho đến khi gặp Tam Tổ Tăng Xán, sau khi phú pháp, dặn dò Tam Tổ phải cẩn thận bảo hộ giữ gìn y bát làm chứng cứ, và cần phải ẩn trốn để tránh những sự tạt đổ và bức hại.

Đại sư Huệ Khả lúc đó giả dạng điên khùng, nhưng khi gặp chúng sanh hữu duyên, Ngài liền phổ độ giáo hóa họ. Tuy Ngài giả dạng điên khùng, nhưng vì có duyên với chúng sanh cho nên có rất nhiều người tin tưởng Ngài. Tuy Ngài đã giả dạng điên khùng, nhưng bè nhóm của Bồ Đề Lưu Chi vẫn đem lòng ganh ghét, bèn đi đến quan phủ vu cáo Đại sư Huệ Khả, nói Ngài là yêu quái mê hoặc dân chúng, để dân chúng sùng bái. Hoàng đế đương thời lại cả tin bèn hạ thánh chỉ, ra lệnh quan phủ bắt Huệ Khả thẩm vấn:

– Người là người hay là yêu quái?

Huệ Khả Đại sư trả lời:

– Tôi là yêu quái.

Viên quan thẩm vấn vừa nghe Ngài nói như vậy, liền biết Ngài bị oan ức, nên hỏi lại:

– Ông nên nói cho rõ ràng, ông là người hay yêu quái?

– Tôi thiệt đúng là yêu quái.

Vì quốc pháp không cho phép yêu quái mê hoặc thế gian, cho nên đành phải tâu lên Hoàng đế, đem Ngài đi chém để răn chúng. Ôi, thế gian này có chân lý không vậy! Ngài là Tổ Sư đời thứ hai mà quan phủ nói Ngài là yêu tinh.

Đại sư Huệ Khả rơi nước mắt, nói với đồ chúng rằng:

– Quả báo này ta phải thọ thôi!

Nhị Tổ rất nóng tính, cái gì cũng không sợ, nếu sợ chết Ngài đã không tự nhận là yêu quái. Ngài cảm thấy thương tâm là vì Phật Pháp lúc Ngài còn tại thế, chưa được người ta hiểu biết rộng rãi. Ngài nói Phật Pháp đến thời Tứ Tổ sẽ rơi vào danh tướng, có danh có tướng, liền chắp vào danh tướng. Khóc xong Ngài liền nói với tên đao phủ:

– Người lại giết ta đi!

Đao phủ cầm đao chém đầu Ngài nhưng lạ thay lại không có máu tuôn ra, chỉ tuôn ra dòng nước trắng như sữa. Quý vị nghĩ đây có phần nào hoang đường không? Quý vị tin cũng được, mà không tin cũng được. Quý vị tin, tôi có thể dùng lý do rất đơn giản để giải thích. Đây là lúc người tu hành đạt đến thể thuần dương, tất cả máu huyết trong người đều biến thành màu trắng. Quý vị nói không tin, đương nhiên quý vị đã không tin rồi! Nếu quý vị tin, quý vị cũng đã thành Tổ Sư thứ hai rồi.

Viên quan chấp hành nhìn thấy tình hình như thế bèn y như sự thật tâu lên hoàng đế:

– Người đó thiệt là yêu quái, tôi đã giết ông ta nhưng không thấy máu chảy ra, chỉ chảy ra dòng

nước trắng như sữa, nhưng gương mặt lúc chết giống như lúc sống, điều này chứng minh ông ta chính thật là yêu quái.

Nhưng Hoàng đế biết rằng đã giết lầm một bậc Thánh nhân, vì ở Ấn Độ Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử, khi bị chặt đầu thì không chảy máu mà chỉ chảy nước sữa màu trắng. Điều này chứng minh nhân thể thuần dương vô âm, vì vô lậu không có vô minh nên âm đều biến thành dương.

Có người hỏi:

– Bạch thầy, vừa rồi thầy nói Đại sư Huệ Khả tính rất nóng, làm sao không có vô minh?

Cần biết rõ, tính nóng của Đại sư Huệ Khả là tính nóng của Đại Nhẫn, Đại Dũng, Đại Trí, Đại Huệ, hoàn toàn không giống tính nóng như bom nổ của quý vị và tôi. Quý vị cần nghe cho rõ ràng, tính nóng của mỗi người không giống nhau. Tính nóng của trí huệ là có thể nhẫn với nhân quả tuần hoàn, không có làm ngược lại với đạo lý.

Hoàng đế sau khi biết Đại sư Huệ Khả là vị nhục thân Bồ Tát, bèn sanh lòng sám hối: "Có một vị Bồ Tát ở nước ta, mà Trẫm không biết bảo hộ lại đem Ngài giết đi". Bèn ra lệnh văn võ đại thần đều phải quy y Nhị Tổ Huệ Khả. Tuy Ngài chết đi nhưng vẫn có thể thâm được một số đệ tử như thế.

Đời Tùy, Tam Tổ Tăng Xán, không ai biết thân thể tánh danh của Ngài. Lúc Ngài gặp Nhị Tổ, toàn thân Ngài đều là ghê lác giống như người mắc bệnh phong cùi. Nhị Tổ hỏi:

– Ông từ đâu đến đây? Đến đây làm gì?

– Con đến quy y Hòa Thượng cầu học Phật pháp.

–Ông mắc bệnh như vậy thật không thanh tịnh, làm sao có thể học được Phật pháp?

Tam Tổ vốn rất thông minh, còn thông minh hơn Nhị Tổ nữa, bèn thưa:

– Con là người có bệnh, mà Ngài là một bậc Hòa Thượng, nhưng tâm Ngài và con không có gì sai khác.

Nhị Tổ nghe nói liền biết người này không phải tầm thường, liền nói:

– Không cần nói nữa, ta đã biết rồi.

Nói xong bèn truyền pháp cho Tam Tổ và dạy Tam Tổ phải ẩn trốn để tránh sự sát hại của dư đảng Bồ Đề Lưu Chi:

– Không nên để cho người biết ta đã truyền pháp cho ông.

Vì thế Tam Tổ Tăng Xán học cách của Nhị Tổ, giả dạng điên khùng, âm thầm đi các nơi giáo hóa chúng sanh. Lúc đó gặp lúc Bắc Chu Vũ Đế tiêu diệt Phật pháp nên Ngài ẩn cư trong núi hơn mười mấy năm. Trên núi vốn có rất nhiều sài lang hổ báo, nhưng khi Ngài vừa đến ở đây các loài động vật đó đều bỏ đi hết.

Sau khi truyền pháp cho Tứ Tổ Đạo Tín, Tam Tổ bèn thiết Thiên Tăng Trai (thỉnh một ngàn vị Tăng thọ trai cúng dường). Trai đàn hoàn mãn, Ngài bèn nói với đại chúng:

– Các ông cho rằng kiếp già ngồi chết là phương pháp hay nhất, nay ta cho các ông xem một cách chết đặc biệt. Sự sanh tử của tôi rất tự do, không bị hạn chế của thời gian.

Nói xong, tay trái cầm lấy cành cây, chân giơ lên như thế mà an nhiên thị tịch. Lúc Ngài viên tịch, là bao nhiêu tuổi, là người ở địa phương nào, thân thể ra sao, đều không ai biết.

Có người nghe xong rất kinh sợ nghĩ rằng:

– Vị Tổ thứ nhất là Bồ Đề Đạt Ma bị đầu độc chết, vị Tổ thứ hai bị giết chết, vị Tổ thứ ba thì nằm lấy cành cây mà thác. Tôi thật không dám làm Tổ Sư, nguy hiểm quá!

Quý vị muốn làm cũng làm không được, và không có khả năng làm, vì quý vị sợ chết. Làm Tổ Sư có nghĩa là không sợ chết, xem tử và sanh đều giống nhau không có gì sai khác, cho nên nói rằng "Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết Bàn. Đạo chơi nhân gian, giáo hóa chúng sanh." Đó mới có thể làm Tổ Sư. Quý vị nhát gan như thế, có lòng sợ sệt, ngay làm đồ đệ của Tổ Sư cũng còn không được. Tổ Sư đều không sợ khổ, không sợ tai nạn, không sợ sanh, không sợ chết. Quý vị không sợ chết thì mới có thể làm Tổ Sư. Nay nếu ai không sợ chết, tôi liền phong người đó là Tổ Sư.

Tứ Tổ Đạo Tín, lúc nhỏ theo Tam Tổ Tăng Xán xuất gia học đạo, sáu mươi năm ngồi không nằm, đôi mắt thường nhắm, dụng công biện đạo, không phải Ngài ngủ. Khi Ngài mở mắt, người thường đều giật mình kinh sợ giống như bị động đất. Tại sao vậy? Không ai biết được. Nhưng đó chính là uy đức của Ngài.

Đường triều Trinh Quán năm thứ mười bảy (công nguyên năm 644), Thái Tông phái sứ thần mời Ngài đến hoàng cung để cúng dường, lễ Ngài làm thầy. Nếu như Pháp sư đời nay, Hoàng đế không mời cũng tìm cách gặp Hoàng đế, dựa dẫm vào, hưởng chi nay được lễ bái cung thỉnh? Nhưng Tứ Tổ đã từ chối, lựa lời nói:

– Tôi niên kỷ đã lớn, đi cũng đi không nổi. Tuổi già sức yếu, cho nên không thể đi đến Kinh thành được.

Sứ thần trở về tâu lên Hoàng đế, Hoàng đế nói:

– Người quay về nói với Tứ Tổ, bất luận là Ngài lớn tuổi đến đâu đi nữa, ta vẫn mời Ngài vào hoàng cung cúng dường.

Sứ giả đành đi đến chỗ Tứ Tổ, thưa với Ngài rằng:

– Hoàng thượng nói bất luận là Ngài già yếu đến đâu, cũng dùng kiệu để rước Ngài vào hoàng cung để cúng dường.

Ngày xưa không có máy bay, không giống như bây giờ giao thông rất tiện lợi. Tứ Tổ trả lời:

– Không được, tôi đã quá già, nếu như ông nhất định muốn tôi đi, thì chặt đầu tôi mà đem đi. Chớ tâm của tôi dù thế nào đi nữa cũng nhất quyết không đi.

Sứ giả không có cách nào, chỉ đành trở về đem sự việc như thế báo cáo hoàng đế:

– Vị Hòa Thượng đó thật là kỳ lạ, cũng không biết nhân tình thế thái. Ông ta nói dù chặt đầu ông ta, ông ta cũng không đến gặp bệ hạ.

– Được, khanh hãy đi đem đầu ông ta mang về đây.

Vua dùng một cái hộp, trong hộp có đựng một thanh gươm bén giao cho sứ thần và nói:

– Cầm lấy thanh gươm này, chặt đầu ông ta mang về đây.

Nhưng lúc sắp khởi hành, Hoàng đế lại nói với sứ thần:

– Dù thế nào đi nữa khanh cũng không được làm tổn thương đến vị Hòa Thượng đó.

Sứ thần hiểu rõ thâm ý của Hoàng đế, liền quay trở lại đến chỗ của Tứ Tổ và nói:

– Lão Hòa Thượng! Rốt cuộc Ngài có đi hay không? Nếu không đi, thanh gươm này sẽ dùng để chặt đầu Ngài, đem đầu Ngài đi gặp hoàng thượng.

Tổ sư Đạo Tín nói:

– Tốt lắm! đầu của tôi có thể gặp hoàng thượng, đó là vinh dự của tôi, mời Ngài lại chặt đầu của tôi đi!

Sứ thần cầm thanh gươm làm điệu bộ như chặt đầu Tứ Tổ. Nhưng nhìn thấy Tứ Tổ quả nhiên giơ đầu ra chịu chém không chút sợ sệt, bèn bỏ gươm xuống, cất lại vào hộp. Tổ sư Đạo Tín nhắm mắt chờ sứ thần chém đầu, nhưng chờ rất lâu mà không thấy động tĩnh, bèn tức giận la lên:

– Tại sao người không chặt đầu ta.

Tình hình lúc này cũng không khác gì trường hợp của Nhị Tổ. Sư thần nói:

– Nhà Vua sai tôi chỉ được nói như vậy, nhưng không được làm tổn hại đến Ngài.

Tổ sư Đạo Tín nghe xong cười lớn nói:

– Nay ông đã biết, trên thế gian thiết có người không sợ chết!

Tứ Tổ họ Tư Mã, xuất gia pháp danh Đạo Tín, là một giòong họ có danh vọng thời bấy giờ. Từ nhỏ xuất gia học đạo, tại thế bảy mươi hai năm, sáu mươi năm lưng không dính chiếu, đã thành tựu cảnh giới bất khả tư nghì. Có lần Ngài đang ở trên núi tu đạo, có một đám giặc cướp bao vây thành khoảng hơn một trăm ngày, lương thực trong thành cùng với nước uống đều dứt tuyệt, khô kiệt. Đại sư nhìn thấy tình hình như thế, bèn đến trong thành dạy tất cả quan quân và dân chúng tụng *"Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa."* Niệm không bao lâu, giặc cướp bèn rút lui, giếng nước đang khô cạn tự nhiên tràn ra những dòng nước ngọt, đây là một cảnh giới cảm ứng.

Lúc đó, Ngài dùng Phật nhãn quan sát, thấy núi Phá Đầu ở Hà Bắc, có mây tia xoay quanh, bao trùm cả khu núi đó. Những vầng mây tia này là điều báo điềm lành, vì thế Ngài bèn đến trú ngụ tại ngọn núi này, và đổi tên núi là Song Phong Sơn.

Ngài giáo hóa những chúng sanh cương cố khó độ, mong cho họ bỏ ác làm lành, nhưng họ cứ y theo đường cũ tiếp tục làm ác, không nghe theo lời giáo hóa. Tứ Tổ nhẫn nại áp dụng các loại pháp môn phương tiện quyền xảo, khiến cho họ bỏ tà quy chánh. Trong hơn bốn mươi năm hoằng dương Phật pháp, Ngài giáo hóa chúng sanh nhiều vô số.

Một ngày họ Tứ Tổ nói với đồ chúng rằng:

– Các ông phải làm cho ta một cái tháp, ta sắp đi rồi.

Khi Bào tháp vừa xây xong, đời Đường Vĩnh Huy năm thứ hai (công nguyên năm 651), ngày hai mươi bốn tháng chín nhuận, Tứ Tổ không bệnh mà viên tịch. Đồ đệ của Ngài liền đặt Ngài vào trong Bào tháp làm bằng đá. Bào tháp vốn dùng khóa sắt khóa cẩn thận. Một năm sau đó, cửa tháp tự động mở ra, đồ chúng thấy Tứ Tổ vẫn đoan nhiên chánh tọa bên trong, sinh động giống như lúc sống, nhưng thịt thì đã khô. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, nhìn thấy tướng hảo của Tứ Tổ như vậy rất hoan hỷ. Ngài bèn dùng vài đầu phết vàng, giữ gìn nhục thể của Tứ Tổ. Cho đến ngày nay nhục thể của Tứ Tổ vẫn còn lưu lại cho người đời lễ bái chiêm ngưỡng cúng dường.

Đường triều Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, họ Châu, là người Hoàng Mai (huyện Hoàng Mai nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, núi Song Phong thuộc huyện Hoàng Mai), bảy tuổi xuất gia, bá Tứ Tổ làm Thầy, mười ba tuổi thọ Sa di giới. Tánh tình hồn hậu ít nói, tuy các bậc đồng học nhiều lần ăn hiếp khinh thường, Ngài vẫn bình thản, xem như không có gì xảy ra. Ban ngày theo chúng công quả, việc gì cũng làm; ban đêm ngồi thiền nhiếp trì thân tâm, không nói chuyện thị phi, đi theo Tứ Tổ ba mươi năm tu học Phật pháp. Ngũ Tổ thân cao tám thước, tướng mạo kỳ đặc. Ngài trú trên ngọn núi Bằng Mậu, phía đông của núi Song Phong, vì thế đương thời gọi là "Đông Sơn pháp môn." Có lần nhìn thấy một đám giặc cướp bao vây thành Hồ Bắc, ngăn chặn tất cả đường xá giao thông, Ngũ Tổ từ Đông Sơn đi vào trong thành. Lúc bọn giặc cướp trông thấy Ngài sợ hãi không còn hồn vía. Vì đám giặc cướp thấy không phải là Tổ Sư mà là vị Kim Giáp Kim Cang Vương Bồ Tát, tay cầm bảo khí, oai đức凛冽, hào quang sáng ngời. Giặc cướp tứ tán rút lui, nhờ đó mà thành được giải vây.

Đại sư làm sao có thể biến hiện thân Kim Cang Vương Bồ Tát? Vì Ngũ Tổ là bậc chân tu, lại thường hay tụng chú Lăng Nghiêm. Chú Lăng Nghiêm nói: "Nếu ai nhứt tâm tụng trì chú Lăng Nghiêm, thì sẽ được tám vạn bốn ngàn Kim Cang Tạng Bồ Tát bảo hộ trong bất cứ mọi trường hợp nguy hiểm tai nạn nào." Vua Cao Tông đời Đường, nhiều lần hạ chiếu mời Đại sư đến hoàng cung cúng dường, nhưng đều bị Đại sư khéo léo từ chối. Sau cùng Hoàng đế liền cho người mang nhiều lễ vật, thuốc men quý giá đến cúng dường Ngũ Tổ.

Đường Hàm Hanh năm thứ năm (công nguyên năm 674), Ngũ Tổ nói với đệ tử rằng:

– Các ông làm cho ta một ngôi tháp, ta sắp đi rồi.

Tháng sau vào ngày mười bốn, Ngài lại hỏi:

– Tháp đã chuẩn bị xong chưa?

Chúng đệ tử trả lời:

– Bạch Đại sư, tháp đã xây xong rồi.

– Nhiều năm qua ta giáo hóa chúng sanh, độ hóa người có duyên, và phú pháp cho Lục Tổ Huệ Năng. Nay các ông có mười người là bậc pháp tử, hãy kiến lập đạo tràng, hộ trì Phật giáo, hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh.

Mười vị đại đệ tử tức là Thần Tú, Trí Thâm, Huệ Tạng, Huyền Ước, Lão An, Pháp Như, Trí Đức, Nghĩa Phương, Huệ Năng và Lưu Chủ Bộ. Ngũ Tổ đưa tiễn mười vị này đi khắp các nơi giáo hóa chúng sanh.

Không lâu, Ngũ Tổ an tọa mà nhập Niết Bàn. Suốt bảy mươi bốn năm, rộng mở giáo pháp, đồ chúng rất đông, truyền y bát cho Đại sư Huệ Năng.

Trên đây đã lược thuật Tây Thiên Tổ thứ hai mươi tám Bồ Đề Đạt Ma, đã đem pháp truyền vào phương Đông, là Sơ Tổ Thiền tông Trung Quốc. Đời đời nối tiếp, nhất phái đơn truyền, bầm thừa chánh pháp nhần tạng của Đức Thích Ca Mâu Ni, cho đến sự tích của Đức Lục Tổ Huệ Năng.

"Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh lược tự," do Pháp Hải Thiền Sư, đệ tử đặc pháp của Lục Tổ, biên soạn, ghi lại sự tích sanh bình của Lục Tổ.

Đại sư tên là Huệ Năng. Thân phụ của Ngài họ Lư, húy Hạnh Thao, thân mẫu của Ngài là Lý thị.

Ngài sanh vào đời Đường, niên hiệu Trinh Quán, năm thứ mười hai, nhằm năm Mậu Tuất, tháng hai, ngày mùng tám, giờ tý.

Lúc sanh Ngài có một đạo hào quang chiếu lên hư không, lại có mùi thơm xông khắp cả nhà.

Trời vừa rạng sáng, có hai vị tăng lạ mặt đến xin viếng và gọi thân phụ Ngài mà nói rằng: "Nhơn có đứa nhỏ sanh ngày đêm qua, nên chúng tôi đến đặt tên giùm. Nên đặt trên chữ Huệ, dưới chữ Năng."

Thân phụ Ngài hỏi: "Sao gọi là Huệ Năng?"

Một vị tăng đáp: "Huệ nghĩa là đem pháp huệ mà thí cho chúng sanh, Năng nghĩa là làm được việc Phật."

Nói rồi hai vị tăng liền đi ra, chẳng biết đi xứ nào.

Đại sư khi lọt lòng mẹ, không bú sữa, ban đêm có thần nhơn rưới nước cam lồ cho Ngài.

Giảng:

Đại sư tên Huệ Năng, cha tên Lư Hạnh Thao, Mẹ họ Lý. Đại sư sanh vào đời Đường Trinh Quán năm thứ mười hai (công nguyên năm 638), giờ Tý mùng tám tháng hai năm Mậu Tuất. Lúc Ngài ra đời hào quang chiếu sáng hư không, giống như Phật đỉnh phóng quang, hương lạ đầy nhà. Sáng sớm ngày hôm sau có hai vị dị Tăng đến viếng thăm nói:

– Đứa trẻ ra đời tối hôm qua cùng với Phật pháp có duyên, vì thế chúng tôi đến đây xin được đặt tên cho đứa bé, thượng Huệ hạ Năng là tên.

Cha của Ngài không hiểu bèn hỏi:

– Tại sao gọi là Huệ Năng?

Tăng đáp:

– "Huệ" là dùng Phật pháp huệ thí chúng sanh, "Năng" là có thể hoằng dương Phật pháp.

Nói xong liền đi mất, không biết đi đâu. Huệ Năng sinh ra, không uống sữa mẹ mà tự lớn. Theo truyền thuyết, mỗi đêm đều có thần nhân đến cho uống nước cam lồ.

Đến lớn hai mươi bốn tuổi, Ngài nhờ nghe Kinh mà ngộ đạo. Ngài đến viếng Ngũ Tổ Hoàng Mai mà cầu ẩn khả.

Giảng:

Một ngày nọ, Huệ Năng đang bán củi, nghe một người khách tụng *Kinh Kim Cang*, nghe đến câu "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm," liền lập tức khai ngộ. Hiện nay có nhiều người đã từng nghe qua *Kinh Kim Cang*, nhưng không có ai khai ngộ. Tôi hy vọng ở Tây phương, có người nghe đến câu "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" có thể hiểu rõ nghĩa lý mà lập tức khai ngộ.

Sau khi khai ngộ, Đại sư không có đi khắp nơi rêu rao: "Xem nè! Tôi đã khai ngộ rồi." Ngài không giống như một số người hiện nay, chỉ mới hiểu có một chút kiến thức nông cạn về Phật pháp, bèn đi khắp nơi khoe khoang mình đã khai ngộ. Người xưa dù đã khai ngộ, cũng không dám khinh suất nói rằng mình đã khai ngộ, hà huống những người vốn chưa khai ngộ, càng không nên đi khắp nơi tuyên dương khoe khoang như vậy. Nếu đã khai ngộ, cần phải đi tìm một vị Thiện tri thức mắt sáng (minh nhãn) để chứng minh. Đó chính là nguyên nhân mà Lục Tổ đi Hoàng Mai cầu Ngũ Tổ ẩn chứng.

Từ xưa đến nay, người giác ngộ không bao giờ dám tự mình ẩn chứng mình, không giống như người bây giờ, chưa ngộ nói ngộ, phạm đại vọng ngữ. Cần phải biết ngộ và chưa ngộ sai khác một trời một vực, làm sao có thể chân ngụy không phân biệt được, lấy giả thay thật, mắt cá lẫn vào hạt châu, nhắm mắt nói mò ư?

Hiện nay lại có một số thanh niên vô ý thức, sau khi hút ma túy, LSD, say túy lúy, mất hết trí khôn. Lúc đó, ma vương mê hoặc thể gian, giả làm Thiện tri thức mà chứng minh cho họ rằng:

– Đúng rồi, người đã đạt đến cảnh giới *không*, nhưng mà người không thể nào ở trong hư không, cần phải trở về chỗ tôi, tôi có phòng ốc, có nhà cửa, lại có nơi nghỉ mát, thoải mái tiện nghi!

Những người này nghe xong liền bái ma vương làm thầy, thật ra mấy người ác tri thức đó, vốn cũng không biết mình là thiệt hay giả, cho nên có câu: "thầy trò cùng mê mờ, người mù dắt người đui" vậy.

Cho nên chúng ta cần phải dùng kinh điển để chứng minh. Kinh điển hoàn toàn không có nói người ngu đó đang ở trong hư không xây dựng phòng ốc. Dù hiện nay hỏa tiễn có thể bay đến mặt trăng, nhưng trong không trung thì không thể nào kiến lập lâu các được. Làm sao có thể lập luận ấu trĩ như vậy?

Hiện nay chúng ta rất bận rộn, sáng sớm bốn giờ đã thức dậy tụng kinh. Chúng ta ở trên mặt đất này bận rộn xây dựng nhà cửa, nhưng không thể xây dựng được ở hư không. Tại sao vậy? Tại vì chúng ta đang ở trên mặt đất, cho nên nhà cửa cũng cần phải xây dựng trên mặt đất. Chúng ta quên mất thân này, mà tạo thân Kim Cang, thân này giống như nhà ở của chúng ta, rồi một ngày nào đó bị hư hoại đi. Nay từ sớm đến tối chúng ta bận rộn nung đúc, rèn luyện, đến cuối cùng có thể tu hành đạt đến thân Kim Cang bất hoại. Sau khi thành tựu thân Kim Cang bất hoại thì có thể tùy tâm sở dục mà đi vào hư không, trên có thể lên đến trời, dưới có thể đi xuống đất hoặc đến Long cung cũng được. Không cần hộ chiếu hoặc hành trình cũng có thể đi đến đích, phi hành tự

tại khắp nơi, nhưng đầu tiên quý vị cần phải tu cái thân bất hoại mới có thể đạt cảnh giới này.

Ngũ Tổ xem Đại sư, nhận ra Ngài có tài đức xứng đáng, nên phú chúc y bát và dạy Ngài nối ngôi Tổ sư. Lúc ấy nhằm đời Đường Cao Tông, người niên Long Sóc, năm Tân Dậu.

Ngài qua phương Nam ẩn dật mười sáu năm.

Giảng:

Sau khi rời khỏi Hoàng Mai, Lục Tổ không có một chỗ trú ngụ an toàn. Vì đồ đệ của Thần Tú và các giáo phái khác muốn hãm hại Ngài, vì thế Đại sư lánh nạn trong nhóm thợ săn suốt mười sáu năm. Trong thời gian này không ai biết Ngài là Lục Tổ. Ngài một mặt dụng công tu thiền định đồng thời làm công việc canh giữ lưới cho đám người thợ săn. Nếu thấy trong lưới có chim thú, Ngài đều tìm đủ mọi cách phóng sanh chúng. Lúc này Ngài có đủ thời gian để tu hành viên mãn công phu của mình mà không bị ai quấy rầy.

Nếu quý vị không chân chánh tu hành thì mọi chuyện đều êm thuận. Một khi phát tâm tu hành, thì ma chướng từ bốn phương tám hướng kéo đến, và tất cả các hiện tượng không tưởng tượng được đều có thể phát sanh.

Trong thời gian mười sáu năm cùng sống với nhóm người thợ săn, Lục Tổ được an ổn. Đây là một sự ẩn náu một cách sáng suốt – không cầu danh, không cầu lợi, không gây thiệt hại cho người, mà là chân chánh dụng công tu hành.

Đến ngày mừng tám, tháng giêng, năm Bính Tý, đời Đường Cao Tông nguyên niên Nghi Phụng, Ngài cùng Ấn Tông Pháp sư luận bàn đạo lý sâu màu. Ấn Tông Pháp sư kẻ ngộ tông chỉ của Đại sư.

Giảng:

Hai người đã thảo luận nhiều lần, đưa ra cách nhìn của mình về đạo lý. Thế thì ai hỏi ai? Đó là Pháp sư Ấn Tông hỏi Lục Tổ Đại sư vậy. Lục Tổ đã giải quyết vấn đề tranh luận phướng động hay gió động, thật ra là tâm động. Pháp sư Ấn Tông rất kinh ngạc nghe một người tại gia mà có thể nói ra đạo lý thâm sâu như vậy bèn lập tức rời pháp tòa cung thỉnh Lục Tổ vào trong liêu của mình đàm luận. Ấn Tông Pháp sư hỏi:

– Ông từ đâu đến, tên họ là gì ?

Pháp sư Ấn Tông sau khi biết vị tại gia này là đệ tử đặc pháp của Ngũ Tổ, là người đã được Ngũ Tổ truyền cho y bát, Ngài lập tức đánh lễ Lục Tổ. Sau đó cầu hỏi những đạo lý nhiệm mầu sâu sắc trong kinh sách, thảo luận về gió động phướng động. Sau khi cùng với Lục Tổ luận bàn xong, Đại sư Ấn Tông mới hiểu rõ và ngộ được nghĩa lý của Thiền tông.

Ngày rằm tháng ấy, Ấn Tông Pháp sư nhóm hết tứ chúng mà xuống tóc cho Đại sư, rồi qua mừng tám, tháng hai, lại nhóm hết các vị danh đức mà truyền thọ Cụ túc giới cho Ngài.

Trí Quang Luật sư ở Tây kinh làm Thọ giới sư,

Giảng:

Vào ngày rằm tháng giêng Pháp sư Ấn Tông tập hợp tứ chúng Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tắc,

Ưu bà di, cử hành nghi lễ thể độ cho Lục Tổ Đại sư, khiến cho hiển hiện tướng xuất gia mà thành Tỳ khưu.

Người xuất gia có rất nhiều lý do xuất gia không giống nhau. Có người vì cuộc sống khó khăn, nhìn thấy người xuất gia được người cúng dường, có cái ăn có cái mặc vì thế mà xuất gia. Có người xuất gia vì tuổi già không có con cái chăm sóc, họ nghĩ: "Sau khi ta xuất gia, thân nhận một đứa đệ tử trẻ tuổi, nó sẽ lo lắng chăm sóc cho ta giống như con ta vậy." Có người vì đã từng làm trộm cướp, hoặc vì trốn tránh pháp luật, sau khi xuất gia xuống tóc, có thể tránh được nạn chánh phủ bắt được chém đầu họ. Có người lúc còn nhỏ đã bị đưa đến Chùa xuất gia. Đây là một vài lý do mà người ta xuất gia. Sau khi xuất gia, có thể chân chánh dụng công tu hành hay không, thì thật là khó nói.

Có người *mê tín* (mê mà có lòng tin). Như một vài bậc cha mẹ thấy con mình bệnh nặng, bèn nghĩ rằng: "Con của mình có thể chết vì bệnh, cần nên đem nó đến Chùa cho xuất gia." Do vì mê tín, cha mẹ bèn đưa con vào Chùa. Người "mê tín" còn có chỗ hy vọng. Lại có người thì "*tín mê*" (tin vào điều mê lầm) tức là chuyên tin theo những lập luận tà tri tà kiến, tùy theo những tư tưởng không chính xác mà chuyển biến theo, thật là như lời người ta thường nói: "mê trong mê." Có người thì "*mê mà không tin*," (vừa mê lại vừa không tin), trong cái mê của họ không tin tưởng vào bất cứ việc gì. Nhưng có người thì "*tin mà không mê*," những người này dùng chân tâm học Phật pháp, cho đến khi hiểu rõ chân lý thì không còn mê mờ nữa.

Những người xuất gia này có thể chân chánh dụng công tu học hay không, cũng không chắc chắn lắm, hoặc có thể có một hoặc hai phần trăm chân chánh tu học Phật pháp. Nhưng, nếu quý vị hạ quyết tâm nhứt quyết khai ngộ, để liễu sanh thoát tử, thì sau khi xuất gia có thể siêng năng nỗ lực dụng công tu hành.

Có một vài người xuất nhà thế gian, tức ra khỏi nhà tam thế: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Sau khi ra khỏi tam giới sẽ không còn chấp vào dục sắc, sắc giới, vô sắc giới vì họ không còn chỗ chấp trước, xem tam giới như hoa đốm giữa hư không, cho nên nói vượt ra khỏi sự trói buộc của tam giới, ra khỏi nhà tam giới. Có vài người xuất phiền não gia, nếu quý vị xuất gia mà không đoạn phiền não, thì không thể đắc đạo, vì thế nhất định phải trừ phiền não.

Lục Tổ là một ví dụ đặc biệt, không giống như các lý do đã nói ở trên, vì Ngài đã đạt đến cảnh giới tự do tự tại, xuất gia hay không xuất gia cũng không có gì sai biệt. Lúc còn là cư sĩ, Ngài thực hành Bồ Tát đạo, không giống như những người tại gia tầm thường khác.

Mùng tám tháng hai là ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất gia, trong ngày này tập trung các bậc cao Tăng Đại đức trong mười phương – Pháp sư Trung Hoa và Pháp sư Ấn Độ – vân tập lại, truyền giới cụ túc cho Lục Tổ. Pháp sư Ấn Độ mời Luật sư Trí Quang ở Tây Kinh làm Truyền giới sư cho Lục Tổ. Luật sư Trí Quang trì giới nghiêm minh, trong bốn oai nghi: hành, trụ, tọa, ngọa đều đầy đủ bốn đại oai nghi. Phạm nhứt cử, nhứt động của Luật sư, đều cần phải hợp với luật nghi, không thể tùy tiện. Vì thế Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nghiêm tịnh tỳ ni, hoành phạm tam giới."

Huệ Tích Luật sư ở Tô Châu làm Yết-ma,

Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu làm Giáo thọ,

Kỳ Đà La Luật sư ở Trung Thiên Trúc thuyết giới,

Mật Đa Tam Tạng ở Tây Thiên Trúc chứng giới.

Giảng:

Yết-ma là Phạn ngữ, có nghĩa là biện sự, là người biện sự trong lúc truyền giới. Yết-ma cần phải xác thực tất cả mọi sở hành đều hợp với giới pháp, hợp với quy củ mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã đặt ra. Các việc làm nếu không hợp với Phật pháp, thì không được Yết-ma chấp nhận.

Lúc truyền giới, Truyền giới sư hỏi Thầy Yết-ma ba lần:

– Có thể truyền giới cho người này không?

Mỗi lần Yết ma đều phải trả lời:

– Có thể.

Trên giới đàn, Yết-ma ngồi bên trái của Giới sư, Giáo thọ sư ngồi bên phải, còn lại bảy vị Chứng giới sư ngồi hai bên. Tất cả là ba vị A-xà-lê và bảy vị Chứng giới sư. Các Ngài đại diện cho mười phương chư Phật giảng pháp và truyền giới. Cho nên xuất gia thọ giới là một việc rất quan trọng.

"Giáo thọ" tức truyền thọ kinh điển. Kỳ Đa La là tiếng Phạn, nghĩa là "Công Đức Hoa." Pháp sư Mật Đa tinh thông ba tạng Kinh Luật Luận, cho nên tôn xưng Ngài là Tam Tạng Pháp sư. Tất cả giới thần đều đến bảo hộ vị Pháp sư tài trí này, trong cuộc đời của Ngài có rất nhiều sự tích thần kỳ, "Mật Đa" có nghĩa là hưng thịnh, tươi tốt.

Nguyên Giới đàn này do Tam Tạng Đại sư Cầu Na Bạt Đà La ở triều nhà Tống, đứng ra sáng lập và có dựng bia ghi lời Sấm-truyền rằng: "Sau sẽ có một vị Bồ Tát xác phạm thọ giới tại chỗ này."

Giảng:

Cầu Na Bạt Đà La, nghĩa là "Công Đức Hiền." Vị Pháp sư này ở Chùa Quang Hiếu kiến lập một pháp đàn, trên pháp đàn dựng một bia đá, có ghi lời dự ngôn: "Đời sau có một vị nhục thân Bồ Tát thọ giới cụ túc tại đây."

Đến đời Lương Võ Đế, nguyên niên Thiên Giám, lại có Tam Tạng Đại sư Trí Dực từ Tây Thiên Trúc ngồi thuyền vượt biển sang Trung Quốc, đem một cây Bồ đề từ Thiên Trúc trồng nơi bờ ranh Giới đàn ấy, và cũng có đặt bia ghi lời dự ngôn như vậy: "Sau này một trăm bảy mươi năm, sẽ có một vị Bồ Tát xác phạm khai diễn pháp thượng thừa ở dưới cội cây này, cứu độ vô số chúng sanh, ấy là vị Pháp chủ truyền thọ tâm ấn của Phật."

Giảng:

Lương Vũ Đế Thiên Giám nguyên niên (công nguyên năm 502), từ Ấn Độ Tam Tạng Pháp sư Trí Dực ngồi thuyền vượt biển đến đây, nhìn thấy pháp đàn và bia đá này, bèn lấy cây Bồ đề mà Ngài đã đem từ Ấn Độ đến đây, trồng bên cạnh pháp đàn và lập bia dự đoán rằng:

–Một trăm bảy mươi năm sau, sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát ở dưới cội Bồ đề này, khai diễn Phật pháp thượng thừa, trực chỉ tâm địa kiến tánh pháp môn mà thành tựu Phật đạo.

Cây Bồ đề khắp nơi đều có thể sanh trưởng, tại Trung Hoa hiện có rất nhiều loại cây này.

Xưa kia Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên hội Linh Sơn niêm hoa thị chúng, đem tâm ấn của chư Phật truyền cho Tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Tổ sư là người truyền Phật tâm ấn, mà Pháp sư là người giảng kinh thuyết pháp.

Nhục thân bất hoại của Đại sư Trí Dực hiện vẫn còn bảo tồn trong Chùa Nguyệt Hoa cách Chùa Nam Hoa năm dặm. Người quản lý trong Chùa đã xuất gia, không chiêu đãi khách thập phương, vì thế nếu muốn đi đến tham quan, phải tự chuẩn bị đồ ăn thức uống. Lúc tôi ở Chùa Nam Hoa đã từng đến Chùa Nguyệt Hoa, nhìn thấy nhục thân của Đại sư Trí Dực được giữ gìn toàn vẹn, hoàn chỉnh, không có một chút hư tổn.

Thật quả như lời sấm truyền, Đại sư đã đến chỗ này mà thể phát và thọ giới, và chỉ bày yếu chỉ của tâm pháp truyền thừa cho tứ chúng vậy.

Giảng:

Lục Tổ sau khi xuống tóc thọ Cụ-túc giới, bèn giảng kinh thuyết pháp cho tứ chúng nghe, truyền thọ bất nhị pháp môn, tức là từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đời đời tương truyền pháp môn tâm ấn.

Qua năm sau, nhằm mùa xuân, Đại sư từ giả đồ chúng mà về chùa Bảo Lâm. Khi ấy sư Ấn Tông cùng các vị tăng, người tục, có trên một ngàn người đến tiễn Ngài thẳng tới Tào Khê.

Giảng:

Mùa Xuân năm sau, Lục Tổ từ giả đại chúng mà trở về Bảo Lâm. Y phục màu đen (tư) là của người xuất gia, lúc đó người tại gia mặc đồ trắng (bach), vì thế nói: tư bạch hàng ngàn người đưa tiễn Đại sư đến Tào Khê.

Có người chưa đến Tào Khê mà nói rằng mình đã đến đó, họ ngụy truyền cái gọi là Tào Khê Pháp môn và Thiền tông bí truyền. Thời mạt pháp khắp nơi đều có hiện tượng này: giả Phật giáo đồ, giả nhãn hiệu.

Lúc ấy có Thông Ứng Luật sư ở Kinh Châu, cùng các vị học giả kể có một trăm người, đều theo học với Đại sư.

Khi Đại sư đến chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, thấy chùa chật hẹp, không đủ dung nạp đồ chúng, thì có ý muốn mở rộng ra. Ngài đến viếng một người trong xóm là Trần Á Tiên mà nói rằng: "Lão tăng đến đây muốn cầu thí chủ cho một khoảnh đất vừa đủ trải tấm tọa cụ được chăng?"

Giảng:

Lúc đó Luật sư Thông Ứng ở Kinh Châu biết Lục Tổ là vị pháp chủ truyền Phật tâm ấn, bèn dẫn đồ đệ của mình theo Đại sư học pháp. Lúc Đại sư đến Tào Khê, nhìn thấy giảng đường nhỏ hẹp, không thể dung nạp số người đông như thế, bèn có ý mở rộng giảng đường. Ngài đến thăm địa chủ Trần Á Tiên nói:

– Thí chủ có thể cúng dường cho lão Tăng một mảnh đất bằng miếng tọa cụ này chăng?

Trần Á Tiên nói: "Tấm tọa cụ của Hòa Thượng rộng bao nhiêu?"

Đại sư lấy tấm tọa cụ chỉ cho Trần Á Tiên xem, Á Tiên thưa: Được. Đại sư liền lấy tấm tọa cụ phóng ra, bao trùm hết bốn cảnh Tào Khê, lại có bốn vị Thiên Vương hiện thân ngồi trấn bốn hướng.

Giảng:

Đại sư đưa miếng tọa cụ của Ngài cho Trần Á Tiên xem. Ông ta nói:

– Nếu Ngài chỉ cần mảnh đất to bằng tấm tọa cụ thì con sẵn lòng cúng dường.

Nhưng lúc Đại sư trải tấm tọa cụ ra, không những khắp cả Chùa Nam Hoa mà cả hơn mười mẫu đất đều được che phủ. Lúc đó Tứ đại thiên vương hiện thân, ngồi trấn ở bốn phương, cho nên mới có cảnh giới kỳ diệu như vậy xuất hiện.

Nay tại cảnh chùa có núi Thiên Vương vì nhơn chuyện này mà đặt ra tên núi ấy. Trần Á Tiên thưa: "Con biết pháp lực của Hòa Thượng thật là quảng đại, nhưng vì phần mộ của cao tổ con đều nằm trong khoảnh đất này, ngày sau nếu có cất tháp, xin giữ lại các phần mộ, còn giai dư con hỷ cúng hết, để làm ngôi Bảo-phường vĩnh viễn. Lại chỗ đất này có long mạch hình voi trắng, vậy chỉ nên bình thiên chẳng nên bình địa."

Về sau khi chùa được kiến thiết, nhất nhất đều làm y theo lời thỉnh cầu của Trần Á Tiên.

Mỗi lần Đại sư đi dạo trong cảnh chùa, gặp chỗ nào nước non xinh đẹp, Ngài dừng chơn ngồi nghỉ.

Giảng:

Nay trong cảnh Chùa có Thiên Vương Lĩnh, chính vì câu chuyện này mà được tên. Trần Á Tiên nói:

– Con biết Hòa Thượng Ngài pháp lực thần thông quảng đại, nhưng phần mộ cao tổ của con đều ở trong mảnh đất này, tương lai sau này nếu xây dựng Chùa Tháp xin Ngài chừa lại phần mộ của tổ tiên con, ngoài ra các phần đất khác con đều cúng dường Tam Bảo, vĩnh viễn làm đất Già lam.

Long mạch của đất này rất thanh, núi giống như hình voi trắng, là nơi "bảo sở," tức là một chỗ rất tốt để xây dựng đạo tràng. Hình địa thế cao thì vật kiến trúc nên xây dựng thấp một chút. Địa thế thấp thì có thể xây dựng cao một chút, khiến cho các mái nhà có thể quân bằng, nhưng không nên san bằng đất đai, vì nếu đào đất sợ rằng sẽ làm tổn thương đến long mạch của núi, phá hoại phong thủy, tổn hại linh khí.

Lục Tổ thường thường dạo chơi trong cảnh Chùa, nhìn thấy chỗ nào có phong cảnh đẹp liền ngừng lại để nghỉ ngơi.

Vì thế, mà mười ba Lan-nhã đã được lập lên ở những nơi ấy, một trong những Lan-nhã đó nay là Hoa Quả viện. Cả thầy đều phụ thuộc đạo tràng Bảo Lâm.

Nguyên nơi đạo tràng Bảo Lâm, khi trước cũng có Tam Tạng Đại sư Trí Dực ở Tây Thiên Trúc, từ Nam Hải qua cửa Tào Khê, lấy tay bưng nước uống, nghe mùi thơm ngọt, thì lấy làm lạ, bèn kêu môn nhơn mà bảo rằng: "Nước ở đây không khác gì bên Tây Thiên Trúc, trên nguồn khe chắc có thắng địa, lập Lan-nhã được." Sư lần theo dòng nước lên tới nguồn khe, nhìn quanh bốn phương, non nước xây vòng, đầu non chân giùm, xinh đẹp lạ thường... Sư khen rằng: "Cảnh núi này rõ ràng giống như cảnh núi Bảo Lâm ở Tây Thiên Trúc."

Giảng:

Tại sao khu đất bao quanh Chùa Nam Hoa gọi là Bảo Lâm? Bảo Lâm có nghĩa là Vô Thượng Pháp Bảo diễn hóa tại chỗ này, người y pháp tu hành nhiều như cây trong rừng. Ấn Độ Đại sư Trí Dực lúc uống nước tại Tào Khê, cảm thấy mùi vị ngon ngọt chẳng khác nào ở Ấn Độ, Ngài biết rằng trên đầu nguồn chắc chắn có thắng địa, có thể kiến lập Tự viện. Ngược theo dòng nước lên đến đầu nguồn, đến núi Bảo Lâm lúc hoàng hôn xuống, nhìn chung quanh, khắp nơi đều là sơn thanh

thủy tú, Ngài tán thán rằng:

– Núi này thật giống núi Bảo Lâm ở Thiên Trúc, nên đặt tên nơi này là Bảo Lâm đạo trường.

Không phải chỉ có một mình Ngài, Tam tạng Trí Dực mà có rất nhiều đồ đệ đi theo. Ngài nói với họ rằng:

– Đầu nguồn của dòng suối là một thắng địa, có thể kiến lập Tự viện.

Tự viện, tên gọi Lan-nhã là tiếng Phạn, nghĩa là tịch tĩnh xứ, là nơi thanh tịnh tu hành. Đất này thanh khiết, núi non xanh biếc bao quanh, phong cảnh tú lệ, thật là nơi thắng địa tu hành.

Sư kêu dân làng Tào Hâu mà bảo rằng: "Nơi núi này nên lập một cảnh chùa, sau đây một trăm bảy mươi năm, sẽ có một vị Vô Thượng Pháp Bảo diễn hóa tại chỗ này, số người đắc đạo nhiều như cây rừng, vậy nên đặt hiệu chùa là Bảo Lâm."

Thuở ấy có quan Châu mục tỉnh Thiều Châu, tên là Hâu Kính Trung, lấy những lời ấy mà làm biểu dâng vua, vua nhận lời xin, lại ban cho một tấm biểu hiệu là Bảo Lâm. Thế mới thành một cảnh chùa Phật. Ấy là một ngôi chùa có trước hết đời nhà Lương, niên hiệu Thiên Giám, năm thứ ba.

Giảng:

Thôn này gọi là Tào Hâu, là hậu duệ của Tào Tháo thời đại Tam Quốc. Đại sư Trí Dực dự đoán một trăm bảy mươi năm sau, "Vô Thượng Pháp Bảo" tức là Lục Tổ trụ tại Bảo Lâm và giáo hóa chúng sanh. Tăng chúng xuất gia và người tại gia tại chỗ này, người khai ngộ đồng như số cây trong rừng, vì vậy đất này gọi là "Bảo Lâm." Lúc đó, trưởng quan Thiều Châu Hâu Kính Trung đem lời dự đoán của Đại sư Trí Dực tâu với triều đình, Lương Võ Đế bèn ân tứ là Bảo Lâm. Thiên Giám năm thứ ba (công nguyên năm 504), xây dựng Chùa này, tức là Chùa Nam Hoa hiện nay.

Trước điện chùa có một cái ao, trong đó có một con rồng thường trời lên hụp xuống, làm náo động các cây rừng. Một ngày kia, rồng hiện hình rất lớn, làm cho sóng nổi nước trào, mây mù tối mịt, các môn đồ đều kinh hãi.

Đại sư nạt rằng: "Người có thể hiện hình lớn, mà không hiện hình nhỏ được. Nếu người là thần long thì biến hóa được; nhỏ biến ra lớn, lớn biến ra nhỏ."

Giảng:

Thân Rồng rất lớn, vì thế chỉ thấy thân của nó mà không thể thấy đầu, bay lượn trong nước, làm cho sóng vỗ ầm ầm, sóng nước dâng cao mười thước, hai mươi thước, thậm chí dâng cao ba mươi thước. Nó dương dương tự đắc, tự cho mình là tài giỏi. Đồ chúng đều lo sợ nói:

– Thật là bất khả tư nghị, con rồng này muốn làm tổn hại chúng ta!

Lục Tổ quả trách rồng:

– Nếu người thật có thần thông, thì có thể từ có biến không, từ không biến có, người có thể tùy tâm như ý biến hóa, từ thân to lớn hóa thành thân nhỏ bé, từ thân nhỏ bé hóa thành thân to lớn, không có gì chướng ngại.

Rồng ấy thoát nhiên hụp xuống, giây lâu lại hiện hình nhỏ, nhảy khỏi mặt ao.

Tổ mở bình bát, nói thách rằng: "Chắc người không dám chun vô bình bát của lão

tăng?"

Rồng hăm hờ nhảy tới trước mặt, Đại sư lấy bình bát thả vào, rồng hết phương vùng vẫy. Đại sư đem bình bát về chùa, thuyết pháp cho rồng nghe.

Giảng:

Lục Tổ dùng lời nói khích khiến cho rồng hóa nhỏ, lập tức không còn thấy rồng nữa, nhưng trong khoảnh khắc một con rồng nhỏ bay lượn nhảy nhót xuất hiện trong nước. Lục Tổ nói:

–Người nay đã biến thành thân nhỏ bé rồi, nhưng người không dám nhảy vào trong bát của ta đâu!

Rồng bơi lội tung tăng trong nước, bơi đến trước mặt Tổ. Lục Tổ không đợi nó nhảy vào trong bát, Ngài lập tức múc nó vào trong bát.

Rồng liền cời lột mà đi. Bộ xương này dài đến bảy tấc, đầu đuôi, sừng chân, đều có đủ, để lưu truyền tại chùa. Sau Đại sư lấy đá lấp cái ao ấy. Nay trước điện chùa, phía tả, có tháp bằng sắt dựng nơi đó.

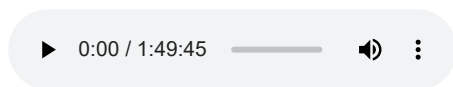
Giảng:

Lục Tổ Đại sư cầm cái bát đựng con rồng, trở về pháp đường, thuyết pháp cho rồng nghe. Rồng nghe pháp vắng sanh, thoát xác mà đi, để lại di cốt dài hơn bảy tấc, đầu đuôi sừng chân đều đầy đủ, lưu truyền tại chùa. Đại sư bèn dùng đất đá lấp bằng cái ao này. Bên cạnh đại điện, vẫn còn tháp sắt dựng nơi ao đó.

Trong bài tự của Thiền Sư Pháp Hải nói cái ao này ở bên trái, thật ra nó ở bên phải. Trong "Lục Tổ Đàn Kinh chú," Đinh Phúc Bảo cũng chưa đến Chùa Nam Hoa, đương nhiên không biết chỗ của ao này. Chiều theo vị trí chỗ ngồi của Lục Tổ trong điện mà đoán định thì ao ở bên phải vậy.

▶ 0:00 / 1:40:50 — 🔊 ⋮

- [Mục Lục Xem Tiếp Theo](#)
- [Phẩm Hành Do](#)
- [Phẩm Bát Nhã](#)
- [Phẩm Nghi Vấn](#)
- [Phẩm Định Huệ](#)
- [Phẩm Tọa Thiền](#)
- [Phẩm Sám Hối](#)
- [Phẩm Cơ Duyên](#)
- [Phẩm Đón Tiệm](#)
- [Phẩm Tuyên Chiếu](#)
- [Phẩm Phó Chúc](#)



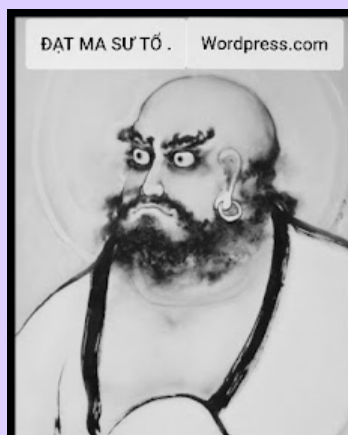
Kinh Pháp Pháp Bảo Đàn Kinh Lục Tổ Huệ Năng mp3

Phật Pháp Với Thiên Tông MP3

KINH PHÁP BẢO ĐÀN Lục Tổ Huệ Năng.mp3

TỔ SƯ ĐẠT MA - Bồ Đề Đạt Ma

Tổ Sư Đạt Ma





Hòa Thượng Thích Duy Lực

KINH THỦ LĂNG NGHIỆM – THÍCH DUY LỰC

KINH LĂNG NGHIỆM

